

## HỒ SƠ MỜI THẦU

<b>Số hiệu gói thầu và số E-TBMT</b>	<b>IB2500328036-00</b>
<b>Tên gói thầu</b>	<b>Thi công xây dựng công trình</b>
<b>Dự án/ dự toán mua sắm</b>	<b>San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng</b>
<b>Phát hành ngày</b>	<b>28/07/2025</b>
<b>Ban hành kèm theo Quyết định</b>	<b>1911/QĐ-NLHKMT ngày 28/07/2025</b>

## MỤC LỤC

### **Mô tả tóm tắt**

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

**Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

### **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐÁU THẦU**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### **Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word.
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

#### **Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin vào biểu mẫu ưng ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

Chương này cung cấp các thông tin về thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin bổ sung mô tả công trình được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

## **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

### **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu xây lắp qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

### **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<p><b>1. Phạm vi gói thầu</b></p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu xây lắp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p><b>3. Nguồn vốn</b></p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p>

	<p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;</p> <p>c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;</p> <p>d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu xây lắp do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định E-HSMT; đánh giá E-HSMT; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-</p>
--	---

	<p>HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;</p> <p>h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
--	---

<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và tài liệu chứng minh sự phù hợp của vật tư, thiết bị</b></p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hạch toán tài chính độc lập;</li> <li>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</li> <li>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</li> <li>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</li> <li>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</li> <li>e) Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</li> </ul> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</li> <li>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</li> <li>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</li> </ul> <p>5.3. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng;</li> <li>b) “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, thiết bị được sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu;</li> <li>c) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu.</li> </ul>
<p><b>6. Nội dung</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3</p>

<p><b>của E-HSMT</b></p>	<p>cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chi dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT, khảo sát hiện trường</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (biểu mẫu và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ</p>

để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.5. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.

7.6. Chủ đầu tư sẽ cho phép nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu tiếp cận hiện trường để phục vụ mục đích khảo sát hiện trường với điều kiện nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu cam kết rằng Chủ đầu tư và các bên liên quan của Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu liên quan đến việc khảo sát hiện trường này. Nhà thầu và các bên liên quan của nhà thầu sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ các mất mát, thiệt hại và chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **E-BDL**.

7.7. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày

	<p>làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.8. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.9. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<b>10. Thành phần của E-HSDT</b>	<p>E-HSDT bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<b>11. Đơn dự</b>	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV của E-</p>

<b>thầu và các bảng biểu</b>	HSMT. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
<b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</b>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại <b>E-BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu tư có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III của E-HSMT.</p>
<b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Đối với hợp đồng trọn gói, giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm rà soát Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) so với thiết kế để đề xuất bảng tổng hợp giá dự thầu cho phù hợp. Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) chỉ mang tính chất tham khảo.</p> <p>b) Nhà thầu có thể thêm hoặc bớt các hạng mục công việc trong Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV) để phù hợp với thiết kế và chào giá cho các hạng mục công việc (sau khi đã thêm hoặc bớt hạng mục (nếu có)) tại Mẫu số 11A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng</p>

trộn gói trong Mẫu số 11E Chương IV). Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng; nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

13.4. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh:

a) Giá dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chào đơn giá cho từng hạng mục công việc theo phạm vi công việc tại Mẫu số 01B, Mẫu số 01C Chương IV.

b) Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

13.6. Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” theo Mẫu số 01 (01A hoặc 01B hoặc 01C hoặc 01D hoặc 01E) Chương IV.

13.7. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường đó theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

13.8. Hợp đồng theo kết quả đầu ra có thể được áp dụng đối với công việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình đã xác định được yêu cầu cụ thể về chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra.

<b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
<b>15. Thành phần đề xuất kỹ thuật</b>	Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật (đính kèm file lên Hệ thống) gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.
<b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<b>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<b>18. Bảo đảm dự thầu</b>	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng

nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

- a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;
- b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:
  - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
  - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;
  - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp

	<p>đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> </ul> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh mà chủ đầu tư yêu cầu là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định</p>
--	---

	<p>tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>19. Thời điểm đóng thầu</b></p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>E-TBMT</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p><b>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b></p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không bảo đảm uy tín tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSDT đã được sửa đổi) đều được mở thầu</p>

	để đánh giá.
<b>21. Mở thầu</b>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư ;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<b>22. Bảo mật</b>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ</p>

	<p>thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>23. Làm rõ E-HSDT</b></p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong</p>

	<p>một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p><b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p><b>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</b></p>	<p>25.1. Chủ đầu tư sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của công trình được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>25.3. Chủ đầu tư phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo Mục 15 E-CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p><b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT;</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong</p>

	<p>E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư;</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p><b>27. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc không được phép sử dụng nhà thầu phụ theo quy định tại <b>E-BDL</b>, nhà thầu được kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 27.5 E-CDNT. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.</p> <p>27.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-</b></p>

	<p><b>BDL.</b> Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>27.5. Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Trường hợp nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 09B Chương IV và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Chủ đầu tư đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Khoản 2.3 Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (hoặc không đề xuất nhà thầu phụ đặc biệt) và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế FEED; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p><b>28. Hiệu chỉnh sai lệch thừa</b></p>	<p>28.1. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (chỉ áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói):</p> <p>Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT và không tiến hành hiệu chỉnh trong trường hợp phạm vi công việc mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT khác so với yêu cầu nêu tại Bảng kê hạng mục công việc tại Mẫu số 01A Chương IV (hoặc phần công việc áp dụng hợp đồng trọn gói trong Mẫu số 01E Chương IV), trừ trường hợp công việc được nhà thầu đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu</p>

	<p>trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế); trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thầu và giá trị của các hạng mục chào thầu sẽ bị trừ đi.</p> <p>28.2. Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc giảm giá được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá dự thầu sau khi đã hiệu chỉnh sai lệch thầu.</p> <p>28.3. Sau hiệu chỉnh sai lệch thầu theo quy định tại Mục 28.1 E-CDNT, Chủ đầu tư phải thông báo trên Hệ thống cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch thầu đối với E-HSMT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nhà thầu phải có ý kiến phản hồi cho Chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thầu theo thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả hiệu chỉnh sai lệch thầu theo thông báo của Chủ đầu tư thì E-HSMT của nhà thầu đó sẽ bị loại.</p>
<p><b>29. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>29.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện</p>

	<p>hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>29.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 29.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p><b>30. Đánh giá E-HSDT</b></p>	<p>30.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>30.2. Quy trình đánh giá E-HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul>

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III;

- Tổ chuyên gia các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Nhà thầu phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT.

- Đối với yêu cầu về nguồn lực tài chính: tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính, tổ chuyên gia căn cứ vào tài liệu đính kèm để đánh giá. Cam kết cung cấp tín dụng bổ sung sau thời điểm đóng thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai theo biểu mẫu và tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính;

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 31 E-CDNT. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc

nhân sự đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

### 30.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSĐT:

- a) Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSĐT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSĐT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;
- b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai theo biểu mẫu và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;
- c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai theo biểu mẫu và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai hợp đồng tương tự theo biểu mẫu, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;
- d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự, thiết bị thi công chủ yếu (bao gồm trường hợp nhân sự, thiết bị của nhà thầu đề xuất đã được huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết

	<p>bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai theo biểu mẫu và file đính kèm thì thông tin theo biểu mẫu là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT tổ chuyên gia đánh giá. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, giá trị tài sản ròng từ năm 2021 trở đi, Chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p><b>31. Đối chiếu tài liệu</b></p>	<p>31.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08A Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế</p>

	<p>điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính theo quy định tại Mẫu số 08B, Mẫu số 08C Chương IV;</p> <p>e) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>g) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>31.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>31.3. Chủ đầu tư gửi thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng); địa điểm, thời gian thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p><b>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>32.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu</p>

	theo quy định tại <b>E-BDL</b> .
<b>33. Hủy thầu</b>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<b>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> </ul>

	<p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>34.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>

<b>đồng</b>	<p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>
<b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) khu vực miền Trung
<b>E-CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Thi công xây dựng công trình Tên dự án/dự toán mua sắm: San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn: Vốn Chủ sở hữu.
<b>E-CDNT 5.1 (c)</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) khu vực miền Trung (Số 348 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng)</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng T- House (117 Mỹ Thị - Phường Ngũ Hành Sơn – TP Đà Nẵng);</li> <li>+ Tư vấn thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Phan Tú (58 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam);</li> <li>+ Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: Công ty cổ phần INNOVATA (Địa chỉ: Tòa nhà In Báo Nhân Dân Đà Nẵng, số 06 Trần Phú, Phường Hải Châu. TP Đà Nẵng);</li> <li>+ Tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) khu vực miền Trung (Số 348 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng);</li> </ul> </li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.</li> <li>- Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>nước đó.</p> <p>- Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>:</p> <p>(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó;</p> <p>(ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.</p> <p>- Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p>
--	--

<sup>1</sup> Trường hợp Luật Đấu thầu chưa được sửa đổi, Hệ thống trích xuất: “(i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó; (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.”. Trường hợp Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung thì Hệ thống trích xuất theo quy định của Luật Đấu thầu sửa đổi.

	n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
<b>E-CDNT 5.1 (e)</b>	<p>- Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp [trường hợp gói thầu có giá không quá 05 tỷ đồng thì ghi: “Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp”. Trường hợp gói thầu có giá trên 05 tỷ đồng thì ghi: “Không áp dụng”].</p> <p>- Trường hợp gói thầu đã tổ chức đấu thầu nhưng không có doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ đáp ứng được yêu cầu thì ghi Không yêu cầu</p>
<b>E-CDNT 7.6</b>	Tổ chức khảo sát hiện trường: Không
<b>E-CDNT 7.7</b>	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
<b>E-CDNT 8</b>	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND
<b>E-CDNT 10.8</b>	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thỏa thuận liên danh (nếu có)</li> <li>- Tài liệu chứng minh nguồn lực tài chính của NT mà NT phải kê khai</li> <li>- Tài liệu chứng minh tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các HĐ đang thực hiện mà NT phải kê khai</li> <li>- Tài liệu chứng minh kinh nghiệm của NT (Hợp đồng tương tự; thanh lý HĐ; xác nhận hoàn thành HĐ; tài liệu chứng minh cấp công trình,...)</li> <li>- Đối với mỗi vị trí nhân sự chủ chốt NT phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu. Trong đó, phải kê khai đầy đủ thông tin chứng chỉ/ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của nhân sự.</li> <li>- Đối với mỗi thiết bị chủ chốt NT phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu</li> <li>- Đối với tình hình tài chính của NT, NT phải kê khai đầy đủ thông tin theo Mẫu số 08A của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế (Xác nhận không nợ thuế của năm tài chính gần nhất) đến thời điểm đóng thầu.</li> <li>- Các tài liệu khác liên quan.</li> </ul> <p>* Nhà thầu phải gửi kèm các tài liệu là bản gốc hoặc bản sao công chứng để chứng minh. Trường hợp tài liệu chứng minh chưa đủ rõ để xác định khả năng đáp ứng thì BMT yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc liên hệ với CĐT để xác minh. NT phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của CĐT. Đối với các nội dung phải kê khai, trường hợp kê khai không trung</p>

	thực thi xem là hành vi gian lận và HSDT sẽ bị loại
<b>E-CDNT 12.1</b>	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: $\geq 90$ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 18.2</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm dự thầu: <b>51.336.561 đồng</b>. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq 120</math> ngày</li> </ul>
<b>E-CDNT 18.4</b>	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
<b>E-CDNT 18.8</b>	Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.
<b>E-CDNT 27.1</b>	Các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: Không có
<b>E-CDNT 27.3</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của nhà thầu
<b>E-CDNT 27.5</b>	Sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt: không được phép
<b>E-CDNT 30.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt</li> <li>- Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp</li> </ul>
<b>E-CDNT 30.2(d)</b>	Xếp hạng nhà thầu: “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;

<b>E-CDNT 32.4</b>	<p>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: “nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</i></p> <p>Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT</p>
<b>E-CDNT 32.5</b>	<p>Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: _____</p> <p><i>[- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh thì ghi "giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu"</i></p>
<b>E-CDNT 38.2</b>	<p>- Người có thẩm quyền: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC) khu vực miền Trung</p> <p>+ Địa chỉ: 348 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng</p> <p>+ E-mail: Loankt.xdmt@gmail.com</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị:</p> <p>+ Địa chỉ: Tổ triển khai sửa chữa lớn Công trình San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng</p>
<b>E-CDNT 39</b>	<p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: không áp dụng</p>

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

---

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và , nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09C Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể lựa chọn để đưa ra tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm cho phù hợp. Đối với gói thầu có tính chất đơn giản có thể không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT); nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm.

Bảng số 01 (Scan đính kèm)

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	<b>Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế</b>	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	<b>Kết quả hoạt động tài chính<sup>(4)</sup></b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	<b>Doanh thu bình quân hằng năm</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	4.753.385.326 <sup>(6)</sup> VND.				
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng.</p> <p>- Trường hợp <u>không yêu cầu</u> về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</p> <p>“Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là <b>1.026.731.231</b> <sup>(8)</sup>VND.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp trong tự<sup>(9)</sup></b>	<p><b>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu: Hạng mục san lấp của Công trình Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hoặc làm mới, cấp: từ cấp IV trở lên</p> <p>[ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V: 1.711.218.718 VND <sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp

tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

*(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu vào sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, năm Y-2...).

*Ví dụ:*

- Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và

các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm bản scan cam kết cung cấp tín dụng trong E-HSDT.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây

dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự).

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công

trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Ví dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

*Trong E-HSMT có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.*

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký

hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

### a) Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong E-HSMT cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. E-HSMT không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất tại các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Scan đính kèm)**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1	Chỉ huy trưởng công trường <i>(Trường hợp liên danh, mỗi thành viên liên danh phải bố trí riêng 01 Chỉ</i>	1	Tối thiểu 3 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng	- Tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành xây dựng; - “Tối thiểu 3 năm”: tính theo ngày ký hợp đồng đã từng tham gia vị trí chỉ huy trưởng công trình Hạng mục San lấp của

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
	<p><i>huy trưởng cho đơn vị mình, có kinh nghiệm thực hiện hạng mục tương tự phù hợp với phân công việc của thành viên liên danh đó đảm nhận (Nhà thầu kê khai theo biểu mẫu và đính kèm trong E-HSDT), trừ trường hợp trong thỏa thuận liên danh có nêu ủy nhiệm cho một người thuộc một trong các thành viên liên danh đứng ra làm chỉ huy trưởng công trình)</i></p>			<p>Công trình sửa chữa hoặc xây dựng mới, từ cấp IV trở lên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Tối thiểu 01 hợp đồng”: Đã hoàn thành 01 công trình: Hạng mục San lấp của Công trình sửa chữa hoặc xây dựng mới, từ cấp IV trở lên;</li> </ul> <p>Yêu cầu kèm theo tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng cấp;</li> <li>- Chứng chỉ (nếu có)</li> <li>- Căn cước công dân</li> <li>- Hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận thuê nhân sự giữa Nhà thầu với Nhân sự huy động (Nếu thỏa thuận liên danh sử dụng chung nhân sự thì từng thành viên liên danh phải có riêng hợp đồng thỏa thuận với Nhân sự để chứng minh Nhân sự chấp thuận làm việc cùng lúc cho từng thành viên liên danh nếu trúng thầu.)</li> <li>- Hợp đồng thi công đã tham gia Chỉ huy trưởng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành có tên và chữ ký trong biên bản nghiệm thu hoàn thành; Nếu không có chữ ký thì cần chứng minh bằng văn bản xác nhận của Chủ đầu tư đã tham gia vị trí Chỉ huy trưởng đối với hợp đồng đó.</li> </ul> <p>+ Tài liệu chứng minh loại, cấp công trình của hợp đồng đã tham gia.</p>
2	<p>Cán bộ kỹ thuật an toàn lao động (Trường hợp liên danh, mỗi thành</p>	1	<p>Tối thiểu 1 năm hoặc tối thiểu 1 hợp đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+Có bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành xây dựng;</li> <li>+Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động hoặc</li> </ul>

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
	<p><i>viên liên danh phải bố trí riêng 01 cán bộ cho đơn vị mình, có kinh nghiệm thực hiện hạng mục tương tự phù hợp với phần công việc của thành viên liên danh đó đảm nhận (Nhà thầu kê khai theo biểu mẫu và đính kèm trong E-HSDT), trừ trường hợp trong thỏa thuận liên danh có nêu ủy nhiệm cho một người thuộc một trong các thành viên liên danh đảm nhận)</i></p>			<p>chứng chỉ hành nghề an toàn lao động còn hiệu lực;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+Đã từng phụ trách ATLD của ít nhất 01 hợp đồng/công trình đã hoàn thành;</li> <li>+Yêu cầu kèm theo tài liệu chứng minh:</li> <li>+ Bằng cấp</li> <li>+ Căn cước công dân</li> <li>+ Hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận thuê nhân sự giữa Nhà thầu với Nhân sự huy động (Nếu thỏa thuận liên danh sử dụng chung nhân sự thì từng thành viên liên danh phải có riêng hợp đồng thỏa thuận với Nhân sự để chứng minh Nhân sự chấp thuận làm việc cùng lúc cho từng thành viên liên danh nếu trúng thầu.)</li> <li>+ Hợp đồng thi công</li> <li>+ Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động hoặc chứng chỉ hành nghề an toàn lao động còn hiệu lực</li> <li>+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Có tên trong biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các tài liệu liên quan tương đương khác hoặc văn bản xác nhận của chủ đầu tư đã tham gia vị trí cán bộ kỹ thuật an toàn lao động</li> </ul>

### **Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Scan đính kèm)**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy bơm nước, động cơ diesel - công suất $\geq 20,0$ CV Hoạt động tốt và sẵn sàng huy động. Có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê.	1
2	Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu $\geq 1,20$ m <sup>3</sup> Có giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định an toàn còn hiệu lực. Trường hợp đi thuê phải đính kèm hợp đồng nguyên tắc	1
3	Máy khoan bê tông cầm tay - công suất $\geq 1,50$ kW Hoạt động tốt và sẵn sàng huy động. Có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	2
4	Máy lu bánh thép tự hành - trọng lượng $\geq 25$ T Có giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định an toàn còn hiệu lực. Trường hợp đi thuê phải đính kèm hợp đồng nguyên tắc.	1

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
5	Ô tô tự đổ - trọng tải $\geq 10$ T Có giấy chứng nhận đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định an toàn còn hiệu lực. Trường hợp đi thuê phải đính kèm hợp đồng nguyên tắc	3

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): không áp dụng**

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;

- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSDT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

**Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:**

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
<b>1</b>	<b>Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công</b>		
1.1	<b>Tổ chức, mặt bằng công trường:</b>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	- Thuyết minh công tác chuẩn bị trước khi tiến hành thi công hợp lý, phù hợp với gói thầu		
	- Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, bố trí biển báo, cấp điện, cấp nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công (Phải thể hiện bản vẽ và thuyết minh phù hợp theo từng giai đoạn thi công, phù hợp phân luồng giao thông xe bồn chứa nhiên liệu máy bay)		
	- Thuyết minh, bản vẽ mặt bằng bố trí công trường thể hiện đầy đủ phù hợp với tổ chức thi công, phù hợp với: điều kiện thi công, tiến độ thi công, phù hợp từng giai đoạn thi công và hiện trạng, phù hợp phân luồng giao thông xe bồn chứa nhiên liệu máy bay.		
1.2	<b>Biện pháp tổ chức thi công</b>		

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
	Thuyết minh (kèm bản vẽ trong trường hợp thuyết minh không thể làm rõ được biện pháp tổ chức: ví dụ công tác đào móng) để chứng minh tính khả thi trong việc triển khai tổ chức công tác thi công chính của tất cả các hạng mục đảm bảo được tiến độ, chất lượng theo yêu cầu nhưng phải phù hợp với năng suất thi công trung bình của nguồn lực Nhà thầu đã huy động cho từng công việc chính thuộc từng mũi thi công, phù hợp với mặt bằng hiện trạng thi công (trình bày gồm phương án, kế hoạch và bố trí các mũi thi công: mô tả rõ số mũi, công việc của từng mũi đảm trách, khối lượng của từng công việc trong từng mũi, nguồn lực huy động cho từng công việc chính thuộc mũi thi công: số lượng nhân công, thiết bị thi công), từ đó tính toán định lượng chi tiết, cụ thể thời gian thi công của từng công việc chính của từng mũi thi công, phù hợp biểu đồ tiến độ thi công, thuyết minh nêu rõ được sự phù hợp, hợp lý khả thi của biện pháp tổ chức thi công đối với điều kiện thực tế phù hợp phân luồng giao thông xe bồn chứa nhiên liệu máy bay.	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	(Nhà thầu phải thuyết minh định lượng, thay vì thuyết minh theo định tính, không đủ căn cứ khoa học đánh giá được sự hợp lý, khả thi trong tiến độ thi công)		
	+ Nhà thầu trình bày cụ thể về mối liên quan nhau về kỹ thuật, cùng sự phối hợp các hạng mục, giữa các mũi thi công, giữa các công tác trong từng mũi thi công thể hiện được sự khả thi, hợp lý trong trình tự tổ chức thi công		
	<b>Giải pháp kỹ thuật của các công việc chính của gói thầu:</b>		
1.3	Nhà thầu phải thuyết minh kèm bản vẽ mô tả rõ các bước và trình tự thi công của từng công việc chính của gói thầu (các công việc liên quan đến tiến độ găng, có khối lượng nhiều...), đảm bảo được sự hợp lý, khả thi đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật; đáp ứng được các quy định của tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu áp dụng;	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<b>2</b>	<b>Tiến độ thi công</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
2.1	Thời gian thi công không vượt quá <b>45 ngày</b> kể từ ngày ký hợp đồng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá yêu cầu	Không đề xuất hoặc đề xuất về thời gian thi công vượt quá yêu cầu
2.2	Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi so với biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ thuật:	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	- Biểu tiến độ thi công thể hiện đầy đủ chi tiết tất cả các hạng mục chính công trình, đầy đủ từng công việc chính thuộc từng mũi thi công theo sơ đồ ngang, các công việc phụ được nhóm thành nhóm riêng và thể hiện đầy đủ trong tiến độ: hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và hiện trạng công trình		
	- Trục thời gian của sơ đồ tiến độ ngang tối đa 1 ngày 1 cột;		
	- Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị: phù hợp với sơ đồ tiến độ ngang, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và giải pháp kỹ thuật.		
	- Biện pháp bù, đẩy nhanh tiến độ khi cần thiết.		
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<b>3</b>	<b>Tổ chức quản lý hiện trường</b> <b>- Tổ chức quản lý hiện trường (sơ đồ và thuyết minh tổ chức của Ban điều hành):</b>		
	- Có trình bày sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện đầy đủ, hợp lý các bộ phận hoặc các vị trí nhân sự mà Nhà thầu dự kiến huy động đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công của Nhà thầu đề xuất trong HSDT.	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	- Thuyết minh đầy đủ về cơ cấu tổ chức của Ban điều hành: thuyết minh thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công hợp lý khả thi.		
	<i>(Trường hợp E-HSDT đáp ứng yêu cầu thì danh sách nhân sự được đề xuất này sẽ được đưa vào trong Hợp đồng.)</i>		

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<b>4</b>	<b>Các biện pháp bảo đảm chất lượng</b>		
4.1	<b>Biện pháp bảo đảm chất lượng vật liệu đầu vào để phục vụ thi công, đảm bảo hợp lý, khả thi và chất lượng công trình:</b>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	<p>- Sơ đồ khối và thuyết minh đầy đủ, rõ ràng về hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của Nhà thầu phù hợp theo quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành (bao gồm cụ thể: trình bày sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thuyết minh mô tả thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công; kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ; biện pháp khắc phục sai sót về chất lượng, tiến độ...).</p> <p>- Có thuyết minh về cách thức và biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu và thiết bị vật liệu đầu vào khi đưa đến công trình và trước khi sử dụng, trong đó bao gồm các vật liệu chính và thiết bị chính thể hiện tính hợp lý, khả thi để đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình</p>		
4.2	<b>Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đảm bảo hợp lý, khả thi và chất lượng công trình:</b>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	Thuyết minh về cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đối với các hạng mục công trình như thí nghiệm, kiểm tra, nghiệm thu vật liệu đầu vào và các thí nghiệm khác theo quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy định thiết kế, tiêu chuẩn áp dụng.		
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<b>5</b>	<b>Các biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;</b>		
5.1	<b>An toàn lao động:</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
	<p>Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công:</p> <p>- Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn thiết bị thi công tại công trường xây dựng theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng</p> <p>- Trang bị an toàn; Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường, đảm bảo an toàn thiết bị thi công...; đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
5.2	<p><b>Phòng cháy, chữa cháy:</b></p> <p>- Thuyết minh Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về kỹ thuật thi công, phù hợp gói thầu (Bao gồm công tác PCCC trong quá trình thi công đặc thù bên cạnh bồn dầu và xe bồn dầu cung cấp máy bay ra vào thường xuyên.</p> <p>- Thuyết minh đầy đủ Biện pháp phòng chống cháy nổ tại công trường xây dựng bao gồm đầy đủ tất cả các nội dung: các quy định, quy phạm tiêu chuẩn hiện hành; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ; Cơ cấu và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ tại công trường theo Thông tư số 16/2021/TT-BXD ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng, ban hành kèm theo QCVN 18:2021 BXD.</p>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
5.3	<p><b>Vệ sinh môi trường:</b></p> <p>- Thuyết minh Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường, tiếng ồn, bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát đồ thải, vệ sinh hợp lý và khả thi, phù hợp với nội dung quy định tại Luật bảo vệ môi trường</p> <p>- Có Bản cam kết bảo vệ môi trường</p>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có ≥ 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
6	<b>Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
6.1	Thời gian bảo hành: Có cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng <b>12 tháng</b>	Có cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng <sup>1</sup> .	Có cam kết thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. Hoặc không có cam kết.
6.2	Sơ đồ và thuyết minh quy trình bảo hành: Có đầy đủ sơ đồ và thuyết minh quy trình bảo hành rõ ràng, hợp lý, đầy đủ các nội dung: quy trình thực hiện, nội dung công việc thực hiện; cách thức thực hiện; quyền và nghĩa vụ mỗi bên trong quá trình bảo hành. Cam kết tiếp nhận và xử lý thông tin bảo hành trong vòng 24h kể từ lúc Chủ đầu tư thông báo và thực hiện bảo hành trong vòng 36h bất kể do lỗi thuộc về ai (lỗi về Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ chi trả, lỗi thuộc nhà thầu Nhà thầu chi trả)	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<p><sup>1</sup> Đối với Nhà thầu liên danh tham gia dự thầu: Yêu cầu phải có văn bản cam kết hoặc Thỏa thuận giữa các bên với nội dung: (1) Thể hiện rõ trách nhiệm thực hiện bảo hành đối với các hạng mục công việc của các Nhà thầu trong Liên danh đảm nhận thực hiện theo quy định; (2) Nếu các Nhà thầu trong Liên danh không xác định được trách nhiệm thực hiện bảo hành các bên theo quy định, thì thống nhất mời đơn vị kiểm định độc lập đánh giá chất lượng công trình làm cơ sở xác định nguyên nhân hư hỏng, thiệt hại và phương án sửa chữa, khắc phục; đồng thời xác định lỗi của các Nhà thầu trong Liên danh. Toàn bộ kinh phí kiểm định, đánh giá sẽ do Nhà thầu hoặc các Nhà thầu trong Liên danh được xác định gây lỗi trong thời gian bảo hành chi trả, thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.</p>			
7	<b>Thông tin về kết quả thực hiện Hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của Nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Khoản 5 Điều 2 Nghị định 17/2025/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT trong vòng 03 năm trở lại đây (2021, 2022, 2023): có bản cam kết không vi phạm (Lưu ý bản cam kết không được bổ sung làm rõ sau thời điểm đóng thầu)	Có bản cam kết và Nhà thầu không vi phạm các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại: Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được bổ sung bởi Khoản 5 Điều 2 Nghị định 17/2025/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT.	Không có bản cam kết hoặc Nhà thầu vi phạm một trong các Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại: Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP được bổ sung bởi Khoản 5 Điều 2 Nghị định 17/2025/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư 22/2024/TT-BKHĐT
	<b>Kết luận</b>	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt	Có $\geq 1$ tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.
<b>8</b>	<b>Các yếu tố cần thiết khác</b>		
8.1	<p>Đối với các vật tư, vật liệu chủ yếu và thiết bị (nếu có).</p> <p>- Có thỏa thuận nguồn cung cấp vật liệu đạt đáp hợp lệ, hợp pháp: hợp đồng nguyên tắc với đơn vị khai thác mỏ được cấp phép còn thời hạn hoặc hợp đồng nguyên tắc đơn vị cung cấp trung gian mà đơn vị đó có thỏa thuận mua bán với đơn vị khai thác mỏ đất (kèm theo đầy đủ hồ sơ chứng minh tính hợp lệ hợp pháp của mỏ đất).</p> <p>- Có văn bản cam kết của Nhà thầu hoặc Hợp đồng nguyên tắc từ đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu.</p> <p><i>* Lưu ý: Nếu không đáp ứng yêu cầu trên thì bảng đề xuất vật tư của nhà thầu không đáp ứng E-HSMT và tiêu chí này được đánh giá là không đạt.</i></p>	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
8.2	Cam kết về huy động đúng, đầy đủ nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu:	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu

TT	Nội dung yêu cầu	ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
	- HSDT phải đính kèm cam kết đúng nội dung và được ký đóng dấu bởi người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc Ủy quyền hợp lệ đính kèm. Không cho phép bổ sung ủy quyền và bổ sung cam kết sau thời điểm đóng thầu;	câu của tiêu chí này	câu của tiêu chí này.
8.3	Cam kết về huy động đúng, đầy đủ thiết bị thi công đã đề xuất trong E-HSDT cho gói thầu nếu trúng thầu:  - HSDT phải đính kèm cam kết đúng nội dung và được ký đóng dấu bởi người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc Ủy quyền hợp lệ đính kèm. Không cho phép bổ sung ủy quyền và bổ sung cam kết sau thời điểm đóng thầu;	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
8.4	Cam kết về thi công đảm bảo ATLD, thực hiện đầy đủ biện pháp đảm bảo PCCC, VSMT theo đúng quy định nếu trúng thầu (Nội dung cam kết về thực hiện đầy đủ biện pháp bảo hộ lao động: giày, mũ, dây an toàn...; công nhân và cán bộ thi công tại công trường phải mặc đồng phục có tên hoặc logo của Nhà thầu để nhận diện quản lý an ninh trong quá trình thi công):  - HSDT phải đính kèm cam kết đúng nội dung và được ký đóng dấu bởi người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc Ủy quyền hợp lệ đính kèm. Không cho phép bổ sung ủy quyền và bổ sung cam kết sau thời điểm đóng thầu;	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
8.5	Cam kết của Nhà thầu về nội dung “Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên thứ ba bị ảnh hưởng (bao gồm tài sản và con người) do hoạt động thi công xây dựng của Nhà thầu gây ra. Việc ảnh hưởng này không được làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu (trừ trường hợp bất khả kháng) nếu trúng thầu”.	Đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của tiêu chí này	Không đáp ứng một trong số nội dung yêu cầu của tiêu chí này.
	- HSDT phải đính kèm cam kết đúng nội dung và được ký đóng dấu bởi người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc Ủy quyền hợp lệ đính kèm. Không cho phép bổ sung ủy quyền và bổ sung cam kết sau thời điểm đóng thầu;		
	<b>Kết luận</b>		
	<b>KẾT LUẬN</b>		
	<i>Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 được đánh giá là đạt. Trường hợp Nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo./.</i>		

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>: áp dụng**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): không áp dụng**

---

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

### Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)	<b>Scan và đính kèm</b>	<b>X</b>	
2	Mẫu số 01B. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)		<b>X</b>	
3	Mẫu số 01C. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		<b>X</b>	
4	Mẫu số 01D. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)		<b>X</b>	
5	Mẫu số 01E. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)		<b>X</b>	
6	Mẫu số 01F. Bảng tiến độ thực hiện		<b>X</b>	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	<b>Scan và đính kèm</b>		<b>X</b>
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			<b>X</b>
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> )	<b>Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử</b>		<b>X</b>
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> )			<b>X</b>
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	<b>Scan và đính kèm</b>		<b>X</b>
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			<b>X</b>
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			<b>X</b>
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			<b>X</b>
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu			<b>X</b>

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
16	Mẫu số 07. Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08A. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
18	Mẫu số 08B. Nguồn lực tài chính			X
19	Mẫu số 08C. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện			X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
21	Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt			X
22	Mẫu số 09C. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
22	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
23	Mẫu số 11A. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng trọn gói)			X
24	Mẫu số 11B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
25	Mẫu số 11C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
26	Mẫu số 11D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)			X
27	Mẫu số 11E. Bảng tổng hợp giá dự thầu (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)			X
28	Mẫu số 12A. Bảng kê công nhật			X
29	Mẫu số 12B. Bảng kê các khoản tạm tính			X
30	Mẫu số 12C. Bảng kê số liệu điều chỉnh			X

**Mẫu số 01A (Scan đính kèm)**  
**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC<sup>(1)</sup>**  
**(Áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)**

STT	Tên công tác <sup>(2)</sup>	Đơn vị	Khối lượng <sup>(3)</sup>
1	Bơm nước khỏi ao để san lấp	Ca	15,000
2	Đào đất lẫn sỏi, đá cuội lâu năm bằng máy đào 1,6m <sup>3</sup> (Chiều cao 1,25m)	100m <sup>3</sup>	26,456
3	Vận chuyển đất lẫn sỏi, đá cuội lâu năm bằng ô tô tự đổ 10T, phạm vi ≤1000m	100m <sup>3</sup>	26,456
4	Vận chuyển đất lẫn sỏi, đá cuội lâu năm 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 10T, trong phạm vi 4km	100m <sup>3</sup> /1km	26,456
5	Vận chuyển đất lẫn sỏi, đá cuội lâu năm 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 10T, ngoài phạm vi 10km	100m <sup>3</sup> /1km	26,456
6	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m <sup>3</sup>	158,357
7	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, phạm vi ≤1000m - Cấp đất IV	100m <sup>3</sup>	1,584
8	Vận chuyển đất 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 10T, trong phạm vi 4km - Cấp đất IV	100m <sup>3</sup> /1km	1,584
9	Vận chuyển đất 1km tiếp theo bằng ô tô tự đổ 10T, ngoài phạm vi 10km - Cấp đất IV	100m <sup>3</sup> /1km	1,584
10	San đầm đất bằng máy lu bánh thép 25T, độ chặt Y/C K = 0,95 (tận dụng lại đất hiện có tại công trình là 250m <sup>3</sup> đất)	100m <sup>3</sup>	62,300
11	Đất mua về đắp (Hệ số chuyển đổi từ đất đào sang đất đắp nguyên thổ theo định mức tỷ số đầm nén k=0,95 là 1,13; Hệ số toi xốp của đất quy định tại bảng C.1 TCVN 4447:2012 Thi công đất và nghiệm thu là 1,26-1,32)	m <sup>3</sup>	8.467,002

**Ghi chú:**

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11A Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình	
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thi công xây dựng công trình “San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng”	Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng	40	45

Ghi chú:

- (2) Trích xuất tên gói thầu.
- (3) Ghi địa điểm nơi triển khai gói thầu.
- (4) Chủ đầu tư điền nhưng bảo đảm thời gian tại cột này nhỏ hơn thời gian tại cột (5).
- (5) Trích xuất thời gian thực hiện gói thầu.

**ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_ [*ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu*]

Tên gói thầu: \_\_\_ [*ghi tên gói thầu*]

Kính gửi: \_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*], Mã số thuế: \_\_\_ [*ghi mã số thuế của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] số E-TBMT: \_\_\_ [*ghi số thông báo mời thầu*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_ [*ghi số tiền*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_\_ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: \_\_\_ [*ghi theo thông báo mời thầu*]

Bảo đảm dự thầu<sup>(2)</sup>: \_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu<sup>(3)</sup>: \_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.<sup>(4)</sup>

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Đáp ứng quy định về cấp doanh nghiệp theo yêu cầu của E-HSMT đối với trường hợp gói thầu xây lắp có giá không quá 05 tỷ đồng.

9. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

10. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

11. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

12. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu<sup>(5)</sup>.

13. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư<sup>(6)</sup>.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

(3) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(4) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

(6) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_\_ [*ghi ngày tháng năm ký thỏa thuận liên danh*]

Gói thầu: \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [*ghi Luật đấu thầu hiện hành*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [*ghi Nghị định hướng dẫn Luật đấu thầu hiện hành*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] với số E-TBMT: \_\_\_\_  
[*ghi số thông báo mời thầu*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh:** \_\_\_\_ [*ghi tên từng thành viên liên danh*]

Mã số thuế: \_\_\_\_ ;

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [ghi tên thành viên liên danh được phân công] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

## **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Chủ đầu tư quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL*]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_\_ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã

đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

#### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết

nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng** (Bên nhận bảo lãnh): \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Chủ đầu tư quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là \_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số \_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã

đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b khoản 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên

danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 05 (Scan đính kèm)****HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
<b>Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup></b>			
1. Loại kết cấu, cấp công trình	<i>[Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Các nội dung công việc chính của hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Phương pháp, công nghệ	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
5. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

## BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn kê khai tại Mẫu số 6C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu.



2											
...											

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu						Thỏa thuận
Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

**Mẫu số 07 (Scan đính kèm)****HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

<b>Các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III</b>			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<b>Năm</b>	<b>Phần việc hợp đồng không hoàn thành</b>	<b>Mô tả hợp đồng</b>	<b>Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)</b>
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU (1)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)<sup>(2)</sup></b>	<i>(Nhà thầu tự tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu số 08C Chương này.

<b>Nguồn lực tài chính của nhà thầu</b>		
<b>STT</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Số tiền (VND)</b>
1		
2		
3		
4		
5		
...		
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{NLTC = TNL - ĐTH}$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (nêu tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (nêu tại Mẫu số 08C).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng số 01: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và trong E-HSDT của nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét đáp ứng quy định tại tiêu chí đánh giá 3.3 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu. Bản cam kết cung cấp tín dụng bao gồm các điều kiện để được ngân hàng cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về tín dụng vẫn được chấp nhận; bên cạnh việc sử dụng cam kết cung cấp tín dụng, nhà thầu vẫn phải kê khai thông tin theo Mẫu này và Mẫu số 08C.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG  
CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế (B) <sup>(3)</sup>	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng (B/A)
1						
2						
3						
4						
...						
<b>A. Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH)</b>						

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên trong liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ (1)**

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu nhưng không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) quy định tại Mục 30.3 E-BDL. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh được sử dụng nhà thầu phụ đối với phần công việc đảm nhận theo tỷ lệ % quy định tại Mục 30.3 E-BDL.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT <sup>(1)</sup>**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.

(3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU(1)**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên <sup>(2)</sup>	Công việc đảm nhận trong gói thầu <sup>(3)</sup>	Giá trị % so với giá dự thầu <sup>(4)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do Nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất <i>[ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Trích xuất từ Mẫu số 01F Chương này.

(6): Nhà thầu đề xuất.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**  
**(Đối với hợp đồng trọn gói)**

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục 1		
2	Hạng mục 2		
..			
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>			X1

**Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

(2) Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong bảng kê hạng mục công việc nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện bảng kê hạng mục công việc thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(3) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

(4) Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **I. Giới thiệu về gói thầu:**

##### **I.1. Phạm vi công việc của gói thầu.**

##### **1. Thông tin gói thầu:**

1.1 Tên gói thầu: Thi công xây dựng công trình

1.2 Tên dự án: San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng.

1.5. Chủ đầu tư: Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) khu vực miền Trung

1.3. Giá gói thầu (bao gồm thuế VAT 8%): **3.422.437.435 đồng.**

1.4. Vị trí dự án: Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng

##### **2. Hiện trạng:**

Các hạng mục khác về sân bãi, bể chứa kho xăng dầu đang hoàn thiện thi công Hồ chứa nước PCCC đã xuống cấp, không còn phù hợp với hiện trạng của tổng mặt bằng dự án

##### **3. Sự cần thiết đầu tư**

Đầu tư san lấp khu sân nền để hoàn thiện theo quy hoạch được duyệt, tạo không gian cho mặt bằng sân bãi

Việc đầu tư hệ thống PCCC mới đang xây dựng, bể chứa nước hiện tại không còn phù hợp

Hồ chứa nước lâu năm có nhiều cặn bùn, dầu lắng gây ô nhiễm môi trường

Nhằm đáp ứng nhu cầu kho xăng dầu, hoàn thiện tầng giao thông, góp phần tạo cảnh mỹ quan giảm thiểu ô nhiễm việc xây dựng sân nền kho hồ chứa PCCC là rất cần thiết, cấp bách

##### **4. Mục tiêu dự án**

Việc đầu tư xây dựng sân nền hồ chứa nước mới giúp nâng cao năng lực khai thác của kho xăng dầu; hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

##### **I.2. Quy mô đầu tư, loại, cấp công trình:**

- Nhóm dự án: Nhóm C;

- Loại công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Cấp công trình: cấp IV

- San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay Quốc tế Đà Nẵng (diện tích 2116.5m<sup>2</sup>)

##### **I.3. Yêu cầu chung**

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá hiện trường, bản vẽ thi công để đề xuất giải pháp phù hợp đảm bảo chất lượng, an toàn trong quá trình thi công đến khi hoàn thành.

2. Biện pháp tổ chức và Bản vẽ tổ chức thi công cần cụ thể, tính toán định lượng chứng minh sự khả thi phù hợp với nguồn lực và tiến độ cam kết. Vì vậy, nhà thầu phải nghiên cứu, đề xuất cụ thể giải pháp thi công phù hợp hơn.

3. Nhà thầu chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu đề xảy ra sự cố công trình trong quá trình thi công.

## **II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:**

Thời gian thi công không vượt quá 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, không kể ngày nghỉ, lễ Tết.

Thời gian bảo hành: không dưới 12 tháng

## **III. Yêu cầu về kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật:**

### **III.1.1 Tiêu chuẩn thiết kế san nền**

Công tác đất - thi công và nghiệm thu : TCVN 4447 - 2012

Đất xây dựng, phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu : TCVN 2683 - 2012

Quy trình thí nghiệm cơ học đất đá trong phòng : TCVN 7572 - 2006

Độ chặt đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm : 22 TCN 333 – 2006

### **III.1.2 Đặc điểm và giải pháp san nền**

Khu vực thiết kế có cao độ tự nhiên thấp nhất +2.95m; cao nhất +5.89m.

Cao độ thiết kế là cao độ tim đường và cao độ hiện trạng xung quanh.

Qua nghiên cứu cao độ thiết kế san nền thấp nhất +5.00m; cao nhất +5.40m; độ dốc đường 0.5%. Và hiện trạng có 250m<sup>3</sup> đất tại công trình (*nguồn lấy từ việc đào đất các hạng mục công trình trong Kho Sân bay*) dùng để san lấp ao cứu hỏa.

Đào bùn có lẫn sỏi đá lâu năm dày 1.25m còn lại bằng máy đào.

Phá dỡ kết cấu mái taluy bằng máy khoan bê tông.

Đất đắp đạt độ chặt K95

### **III.1.3 Khối lượng thực hiện**

Diện tích đất đắp tính toán: 2116.5 m<sup>2</sup>

Khối lượng Đào bùn có lẫn sỏi đá:  $2116.5 \times 1.25 = 2645.63 \text{ m}^3$

Khối lượng phá dỡ kết cấu mái taluy:  $187.02 \times 2.9 \times 0.3 = 158.36 \text{ m}^3$

Khối lượng đất đắp san nền tính toán: 3175.98 m<sup>3</sup>

Khối lượng đất tận dụng : 250 m<sup>3</sup>

### III. TỔ CHỨC THI CÔNG

Phương pháp thi công sẽ do đơn vị thi công chọn, phù hợp với điều kiện, khả năng của đơn vị sao cho công trình được xây dựng đúng với thiết kế, đảm bảo chất lượng, đảm bảo tiến độ thi công, không ảnh hưởng đến môi trường khu vực xây dựng.

#### III.1.1 Công tác chuẩn bị

Các công tác chuẩn bị bao gồm những công việc chính như sau:

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ đầu tư chức năng trong việc quy định trình tự và biện pháp thi công;

Khảo sát đường vận chuyển thiết bị thi công, cầu kiện đúc sẵn đến công trường;

Khảo sát vật liệu, bao gồm các vật liệu đắp nền, mặt đường, công thoát nước... tổ chức khai thác và vận chuyển, tập kết vật liệu đến công trường;

Tổ chức xây dựng các phòng thí nghiệm hiện trường;

Xác định vị trí bãi đổ bùn, đất cho dự án;

Đối với bùn đất nếu đã được phân định thành phần, tính chất chủ yếu là đất, cát, được cơ quan chức năng xác định không có các tạp chất ô nhiễm, không có mùi hôi và không tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì được quản lý theo các nguyên tắc sau:

Đối với bùn đất phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án cải thiện vệ sinh môi trường, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông đô thị thì được xử lý bằng cách bồi đắp cho đất trồng cây hoặc san lấp tại các khu vực đất phù hợp trong Thành phố hoặc tận dụng trực tiếp làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, gạch không nung, bê tông mác thấp, đất sạch tại các địa điểm được phép xử lý theo đúng quy định pháp luật.

Nghiêm cấm các cá nhân, tổ chức và các chủ đầu tư thực hiện hành vi đổ bỏ bừa bãi bùn đất ra môi trường khi chưa có ý kiến hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Trong qua trình thi công cự ly vận chuyển đất thải thực tế phải được Tư vấn giám sát xác nhận tại hiện trường.

#### III.1.2 Công tác đảm bảo an toàn

Công tác đảm bảo an toàn trong quá trình thi công: các thiết bị thi công phải được kiểm tra đúng qui định về kỹ thuật an toàn trong xây dựng trước khi tập kết đến công trường; nền đất tại các vị trí tập kết các thiết bị phải đảm bảo ổn định,

chắc chắn; các thao tác của cầu cần thực hiện trên nguyên tắc không ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh cũng như các phương tiện giao thông đi lại trên tuyến.

### **III.1.3 Trình tự thi công tổng thể**

Trình tự thi công tổng thể dự kiến như sau:

- 1) Tiến hành thăm dò và di dời công trình kỹ thuật ngoài phạm vi thi công (nếu có). Các hạng mục cần tái bố trí như ống cấp nước, cáp điện, cáp quang ... cần di dời tạm trong thời gian thi công sau đó sẽ lắp đặt lại .....
- 2) Thi công hút nước hồ móng bằng máy bơm:
- 3) Đào lớp đất lẫn sỏi, đá, di dời các đường ống hiện trạng.
- 4) Thi san nền.
- 5) Đắp đất lu lèn đảm bảo độ chặt K95.
- 6) Hoàn thiện.

### **III.1.4 Một số lưu ý trong thi công**

Công tác thi công ra vào Sân bay Quốc tế nên việc đảm bảo đất, bùn lắng vận chuyển phải được che đậy ko được để rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

## **IV. PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ VÀ CÔNG NGHỆ LỰA CHỌN**

Các giải pháp thiết kế san nền, không áp dụng các công nghệ mới, công nghệ phức tạp. Các công nghệ được lựa chọn áp dụng phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của các nhà thầu Việt Nam hiện có.

## **V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

### **V.1.1 Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải**

- 1) Các hoạt động tạo nguồn gây tác động liên quan đến chất thải trong thi công bao gồm:

Phá dỡ mái taluy hiện hữu;

Hút nước hồ nước PCCC;

Vận chuyển vật liệu xây dựng và phế thải thi công trong phạm vi Dự án;

Hoạt động tại công trường, thi công và lưu giữ đất tạm, đất đá các loại;

Tập trung công nhân.

- 2) Các loại chất thải

Đất đá các loại trong thi công;

Bụi và khí độc;

Phát thải gây ồn và rung;

Các hoạt động thi công tuyến và cầu có khả năng gây ồn bao gồm:

Dọn dẹp mặt bằng (máy ủi, xe tải)

Đập phá kết cấu;

Thi công kết cấu thép;

Đào và vận chuyển đất (máy ủi, gầu ngoạm, xe tải);

San đầm (máy san, lu);

Cảnh quan và dọn dẹp (xe ủi, gầu ngược, xe tải).

Tiếng ồn từ các phương tiện thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động và các máy móc, thiết bị được sử dụng.

Nước thải;

Nguồn nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công và nước thải sinh hoạt của lực lượng công nhân thi công.

Nước thải từ hoạt động thi công, bao gồm nước thải từ thi công mặt đường có đặc điểm là độ pH cao và giàu chất rắn; nước thải từ khu vực bảo dưỡng phương tiện và thiết bị thi công giàu dầu mỡ.

Chất thải rắn.

Chất thải rắn từ máy móc thiết bị thi công và chất thải sinh hoạt được ước lượng khá đa dạng, bao gồm:

Chất thải có nguồn gốc hoá học: gồm pin thải, phế liệu chứa kiềm hoặc axit/kiềm, chất thải chứa dầu.

Chất thải sinh hoạt: bao gồm chất thải của công nhân thi công tại công trường, cán bộ Dự án, hoạt động nhà ăn, căn tin... Thành phần loại chất thải này, nhìn chung, là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân huỷ (thức ăn thừa) và các loại khó phân huỷ như vỏ hộp thải, nilon và giấy.

### 3) Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

Khác với nguồn gây tác động liên quan đến chất thải, nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải chủ yếu phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị dự án và trong giai đoạn thi công của Dự án, bao gồm:

Xuất hiện công trình làm cản trở khả năng thoát nước;

Dòng bùn đất tạo ra từ khu vực thi công;

Các hoạt động thi công làm gián đoạn và mất an toàn giao thông.

Đôi tượng và quy mô bị tác động

Đôi tượng chịu tác động

Chất lượng môi trường không khí, ồn rung dọc tuyến Dự án

Các đối tượng nhạy cảm nằm trong phạm vi ảnh hưởng bởi các hoạt động của Dự án, bao gồm:

Sân bay;

#### 4) Các tác động đến môi trường

Những yếu tố chính ảnh hưởng tới môi trường do các hoạt động của dự án gây ra trong giai đoạn xây dựng và khai thác của dự án như sau:

#### Tóm tắt các hoạt động của dự án tác động đến môi trường

Những hoạt động của dự án gây tác động		Quá trình hoạt động của dự án giai đoạn	
		Xây dựng	Vận hành
Các yếu tố về môi trường			
Ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên	1. Chất lượng đất đai và sỏi lở sụt trượt	B	C
	2. Thủy văn và chất lượng nước	B	B
	3. Ảnh hưởng tới hệ sinh thái	C	C
	4. Ảnh hưởng của ồn rung	B	B
	5. Ảnh hưởng tới chất lượng không khí	B	B
	6. Vấn đề chất thải rắn	B	C
Ảnh hưởng đến môi trường xã hội	7. Ảnh hưởng chiếm dụng đất và tái định cư		
	8. Ảnh hưởng tới các hoạt động kinh tế	A	(A)
	9. Ảnh hưởng tới giao thông hiện tại	A	(A)
	10. An toàn và sức khỏe cộng đồng	C	C
	11. Cảnh quan và chia cắt cộng đồng	C	B
	12. Sự rủi ro và nguy hiểm	C	C
	13. Đô thị hoá và biến động đất đai	C	C

Ghi chú: A- Ảnh hưởng lớn B- Ảnh hưởng tương đối C- Ảnh hưởng nhỏ

Các chữ trong dấu ngoặc đơn: ảnh hưởng có lợi.

#### V.1.2 Các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công

Trước khi khởi công xây dựng công trình, Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị một bản đề cương về bảo vệ môi trường, do Lãnh đạo của Nhà thầu ký cam kết đạt được các yêu cầu về môi trường trong khi thi công, đáp ứng đúng theo những quy định của Luật hiện hành của Nhà nước.

Nhà thầu phải có được những giấy phép, thủ tục cần thiết về môi trường từ các cơ quan có chức năng trước khi thi công công trình.

Luôn luôn nâng cao nhận thức về môi trường cho nhân viên thi công và cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực. Đồng thời phổ biến các biện pháp để giảm thiểu các tác động tới môi trường.

Lập đường cáp điện riêng từ nguồn đến trạm biến áp cáp điện cho công trình, hạn chế ảnh hưởng của hoạt động thi công đến an toàn lưới điện của khu vực.

Trước khi thi công nhà thầu triển khai rào chắn khu vực chiếm dụng tạm thời bằng tường rào tôn, tất cả mọi hoạt động của nhà thầu chỉ gói gọn trong khu vực này không gây bất cứ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Trong quá trình thi công thường xuyên theo dõi phát hiện những diễn biến bất thường tác động xấu đến khu vực như hiện tượng xói lở bờ sông hay sụt trượt đất trong khu vực. Nếu có các hiện tượng này nhà thầu sẽ lập tức báo cáo chủ đầu tư, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý chức năng để có phương án xử lý, khắc phục. Trong trường hợp có yêu cầu dừng thi công để đánh giá nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục, nhà thầu sẽ nghiêm túc thực hiện và có phương án cụ thể trình chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Các thủ tục trong trường hợp khẩn cấp về môi trường: Nhà thầu có trước một kế hoạch đề phòng đối với trường hợp khẩn cấp về môi trường, và phải trình lên cho các cơ quan có chức năng trước khi thi công. Nhà thầu niêm yết rõ ràng các biện pháp kiểm soát, phòng tránh tại nơi xảy ra trường hợp khẩn cấp về môi trường.

Toàn bộ diện tích được bàn giao để thi công sẽ được hoàn trả cho Chủ đầu tư khi kết thúc quá trình thi công: hoàn trả mặt bằng, san lấp các hố đào trong phạm vi công trường, khôi phục lại hệ thống thoát nước, tưới tiêu, hệ thống điện, khôi phục lại hệ thống đường sá, bến bãi công cộng mà nhà thầu đã sử dụng và gây hư hỏng, hao mòn trong quá trình thi công; thanh thải lòng sông, xử lý rác thải và các vật liệu thừa trên công trường; tháo dỡ nhà cửa, lán trại....

### **V.1.3 Giảm thiểu tác động gây úng ngập cục bộ**

#### **1) Biện pháp giảm thiểu tác động gây úng ngập cục bộ**

Ngập úng cục bộ chỉ có khả năng xảy ra khi mưa lớn trên 100 mm (thường vào tháng 10 và 11) làm cho nước mưa không tiêu thoát kịp kết hợp với việc cản trở dòng nước mưa của các bãi đất tạm trong phạm vi công trường. Nhằm hạn chế tác động này, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

Chuyển ngay đất tạm và đất thải về các bãi chứa: lượng đất tạm và đất thải từ thi công phá dỡ mái taluy và đào đất lẫn sỏi đá sẽ được chuyển ngay về các bãi chứa, không lưu giữ tại vị trí thi công.

Bố trí thời gian vận chuyển đất đá thải loại hợp lý: đất đá loại không dùng tái sử dụng được chuyển ngay về bãi đổ, không dồn đống tại các bãi chứa tạm, không chờ đến khi kết thúc thi công.

#### **V.1.4 Giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí**

- 1) Trong quá trình trộn bê tông, các biện pháp sau đây sẽ được sử dụng để giảm thiểu tác động tới môi trường:

Thường xuyên làm sạch và tưới nước cho nơi đặt trạm trộn và các khu vực phụ trợ để giảm thiểu phát bụi.

Tất cả các động cơ đốt trong có thể dừng ngay khi không sử dụng.

Tất cả các nguồn phát khí thải và các thiết bị đi kèm được kiểm tra và duy tu đều đặn.

Đối với các công việc có liên quan tới cát thì chú ý tới tốc độ và chiều gió để tránh cát bay về phía công trường hay khu dân cư, nhà ở.

Trong khi đổ hay vận chuyển những vật liệu cát đá ... nếu trông thấy cát bụi bốc lên cách hơn 2m từ nguồn thì được khắc phục ngay bằng cách dẫn bụi tới một bộ phận tiêu bụi và giảm chiều cao đổ các vật liệu xuống dưới 2m.

Tất cả các lỗ thông hơi trong xi-lô xi măng được gắn bộ phận lọc bằng vải phù hợp có cơ cấu làm sạch bằng lắc hoặc khí rung.

Không được đốt các chất thải ở khu vực Kho xăng dầu.

Những vật vụn trong xây dựng cần tái sinh nếu có thể được.

- 2) Giảm thiểu phát tán bụi từ công trường thi công

Xe máy, thiết bị trước khi ra khỏi khu vực công trường đều được phun rửa sạch sẽ, bố trí các trạm rửa xe tại các cửa ra vào công trường.

Làm ẩm các khu vực có khả năng phát tán bụi tại công trường và khu vực thi công bằng cách phun nước làm ẩm ít nhất 01 lần/ ngày vào những ngày không mưa trong mùa khô tại Đường công vụ, các bãi vật liệu đá, cát dùng để thi công; các bãi chứa đất tạm, đất thải, dọc tuyến thi công;

Xây dựng hệ thống hàng rào bằng tôn cao 2 m ngăn ngừa phát tán bụi lảng.

Tốc độ của các xe trong công trường không được vượt quá 15km/h để giảm việc khuấy bụi trong công trường. Xe chở cát khi qua thành phố phải có bạt che.

- 3) Giảm thiểu phát tán bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển vật liệu và đất đá loại trong thi công

Tất cả các xe có thùng hở mà chở vật liệu phát sinh bụi đều được gắn các tấm chắn xung quanh và đằng sau. Các vật liệu không được cao hơn tấm chắn và

được che bằng một tấm vải nhựa sạch còn tốt. Làm ẩm vật liệu chuyên chở, nghiêm cấm chuyên chở vượt quy định và thu gom vật liệu rơi vãi

Đất, cát, đá trên phương tiện sẽ được làm ẩm khi vận chuyển vào những ngày khô nắng.

Các phương tiện vận chuyển vật liệu và đất thải sẽ được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi; bạt sẽ phủ kín thùng xe và buộc chặt.

Đất đá rơi vãi do vận chuyển vật liệu trong phạm vi công trường sẽ được thu gom và làm sạch mặt đường ít nhất một đến hai lần một ngày nhằm hạn chế phát tán bụi và chất bẩn.

### **V.1.5 Đối với các tác động do ồn, rung**

#### **1) Kiểm soát thiết bị máy móc thi công**

Tất cả các nguồn gây ra tiếng ồn được bố trí càng xa càng tốt khu lán trại và nhà ở.

Ngừng hoạt động của tất cả các máy có động cơ không dùng đến trong một khoảng thời gian nhất định.

Những thiết bị và máy hạng nặng được sử dụng ở trạng thái tốt để giữ cho độ ồn ở mức tối thiểu.

Nếu một số công đoạn thi công buổi tối hoặc ban đêm thì chỉ được tiến hành những loại việc ít gây tiếng ồn.

Những tín hiệu dùng ánh sáng ví dụ như tín hiệu nhấp nháy có thể thay thế cho còi hoặc chuông để thông báo việc thay ca, việc đổ bê tông hoặc việc cầu hoặc các công việc khác ở công trường. Những tín hiệu báo động bằng âm thanh chỉ dùng chủ yếu để báo động khẩn cấp.

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc và chỉ được vận hành các máy móc hoạt động tốt.

Yêu cầu giảm thanh đối với các máy móc thiết bị sử dụng như máy ủi, máy san, máy đào, máy nén, cần cẩu ... và cả máy phát điện khi đưa vào sử dụng là những loại có phát thải âm thanh ở mức cho phép (nhỏ hơn 75 dBA).

Lựa chọn máy móc thiết bị có mức ồn, rung nguồn thấp khi thi công gần các đối tượng nhạy cảm: trường học, bệnh viện, chùa, cơ quan nhà nước ...

Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị gây ồn: Bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế số lượng các máy móc thiết bị hoạt động đồng thời khi thi công gần các khu vực nhạy cảm với ồn như trường học, bệnh viện, chùa, cơ quan nhà nước...

Thực hiện các quy phạm thi công: việc thực hiện nghiêm túc các quy phạm thi công gần khu vực nhạy cảm và vào những thời điểm cần thiết có thể sẽ giảm đáng kể tiếng ồn trong thi công:

Chỉ vận hành các thiết bị được bảo dưỡng tốt ngay ngoài hiện trường;

Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công;

Sử dụng và bảo dưỡng thiết bị giảm thanh của các phương tiện và thiết bị (nếu có);

Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất;

Giảm ồn, rung từ nguồn thường cho hiệu quả cao, tuy nhiên, không thể hoàn toàn thay thế đồng loạt các thiết bị thi công, nên rất khó đạt được sự hoàn hảo tuyệt đối. Tác động tàn dư đối với tình trạng ô nhiễm ồn, rung gây ra từ các nguồn trong thi công, vì thế, vẫn là mối quan tâm đặc biệt của Dự án. Thông qua hoạt động giám sát, theo dõi mức ồn rung tại các đối tượng nhạy cảm, Chủ dự án sẽ tiếp tục điều chỉnh để có những lựa chọn phù hợp nhằm đạt được mức ồn rung tại các đối tượng này duy trì ở mức có thể chấp nhận được.

## 2) Kiểm soát mức ồn rung từ các hoạt động thi công và vận chuyển vật liệu

Lựa chọn vị trí đặt các thiết bị máy móc thi công xa các khu vực trường học, bệnh viện, chùa, cơ quan nhà nước ...

Kiểm soát thời gian thi công và hoạt động thi công

Không tổ chức thi công đường và các công trình gần bệnh viện, chùa, khu vực đông dân cư ... vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng.

Không sử dụng máy nén khí, máy đào, máy ủi, xe lăn liên tục trong 4 giờ trong thi công gần trường học, bệnh viện, chùa, cơ quan nhà nước

Kiểm soát mức ồn, rung từ hoạt động vận chuyển trong thi công

Phương tiện sử dụng không chở vượt quá danh định.

Tắt máy khi không cần thiết và tránh những hành động gây ồn không đáng có khi điều khiển phương tiện.

### **V.1.6 Đối với tác động giao thông**

Phối hợp với các cơ quan chức năng để phân luồng giao thông

Lắp đặt hàng rào cách ly: hàng rào không chỉ hạn chế phát tán bụi, ồn từ khu vực công trường thi công mà còn có tác dụng ngăn ngừa tai nạn lao động của công nhân và người tham gia giao thông.

Lắp đặt biển hạn chế ra vào và đèn cảnh báo tại các vị trí ra vào công trường.

Hạn chế tình trạng mặt đường bị lầy lội, trơn trượt trong thi công:

Xe vận chuyển đất được làm sạch tại các bánh xe ở cổng công trường nhằm tránh đất dính bám theo lốp xe rơi vãi trên đường.

Phủ bạt ngăn ngừa đất rơi vãi cũng như dọn sạch mặt đường khi đất rơi vãi

### **V.1.7 Đối với tác động do tập trung công nhân trong thi công**

Quản lý nguồn chất thải và nước thải sinh hoạt

Áp dụng các biện pháp để bảo vệ sức khoẻ của công nhân Dự án, giảm thiểu những ảnh hưởng tới sức khoẻ cộng đồng

Tạo mọi điều kiện ăn ở tốt và hợp vệ sinh cho công nhân và bảo đảm không để các chất thải sinh hoạt thải ra môi trường xung quanh.

Phối hợp với chính quyền địa phương, bao gồm cả Ủy ban mặt trận tổ quốc và Hội phụ nữ với mục đích tuyên truyền cho công nhân hiểu biết về các tệ nạn xã hội, mại dâm, bệnh dịch và HIV trong khu vực... nhằm bảo đảm sức khoẻ cho công nhân nói riêng và cộng đồng nói chung. Đồng thời, Dự án còn hợp tác chặt chẽ với địa phương làm tốt vệ sinh cộng đồng khi có triệu chứng bệnh dịch xuất hiện trong khu vực.

### **V.1.8 Quản lý chất thải**

Kiểm soát chất thải tại công trường, vận chuyển chất thải ra khỏi công trường và thực hiện mọi biện pháp giảm thiểu nhằm giảm tác động của chất thải hoặc bồi thường thiệt hại do tác động của chất thải phát sinh trong thi công gây ra.

Quản lý phế thải trong thi công: Phế thải trong thi công là đất đá các loại, vữa bê tông thừa trong quá trình thi công, sắt thép từ hoạt động phá dỡ, tạo mặt bằng... Lượng phế thải này sẽ được tái sử dụng để san nền và đắp dải phân cách giữa, san lấp khu cây xanh, phần còn lại sẽ được vận chuyển đổ vào bãi xử lý theo qui định.

Quản lý chất thải có nguồn gốc hoá học, chất thải y tế và chất thải sinh hoạt. Các chất thải hoá học như giẻ dầu, vỏ bọc máy, pin hỏng, sơn thừa... và chất thải y tế sẽ được thu gom, phân loại, thu hồi và vận chuyển đến nơi quy định.

Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: thu gom chất thải rắn sinh hoạt, phân loại và loại ra chất thải rắn có thể tái sử dụng. Chất thải không tái sử dụng được vận chuyển về các bãi rác của thành phố để xử lý tiếp.

Quản lý và xử lý nước thải

Xử lý nước thải từ công trường thi công: nước thải từ khu vực rửa cốt liệu, khu vực làm bê tông và nước rửa xe trộn bê tông ... được tách riêng không cho

chảy lẫn với nước mưa sạch và dẫn vào hố lắng đặt trong phạm vi công trường. Sau khi để lắng, phần nước trong sẽ tái sử dụng để rửa xe và cốt liệu ...

Nước thải từ hoạt động bảo quản phương tiện, dung môi cho keo, sơn và chất bảo quản gỗ... được kiểm soát tránh rò rỉ hay chảy vào hệ thống cống tạm và được dẫn về hố đào trong công trường để tự thấm.

Nhiên liệu, dầu mỡ và dầu bôi trơn dùng cho phương tiện sẽ được lưu giữ tránh tràn đổ ra môi trường. Khu vực lưu giữ bảo đảm được khoảng cách đến nguồn nước không nhỏ hơn 150 m. Bất kỳ một trường hợp tràn đổ nhiên liệu, dầu mỡ nào cũng sẽ được xử lý kịp thời và chuyển ra khỏi công trường về nơi đổ thải tại các bãi rác.

Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn, căn tin sẽ được thu gom vào các hố trong khu vực công trường để tự thấm. Sử dụng nhà vệ sinh di động cho các lán trại công nhân. Chất thải từ nhà vệ sinh di động sẽ được thu gom và xử lý theo qui định.

Xây dựng các hố tự hoại và các công trình thoát nước. Không tháo nước thải từ một hố tự hoại trực tiếp vào nước mặt.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công sẽ không được thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước có sẵn.

Các công trình thoát nước sẽ được thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng.

Kiểm tra thường xuyên các thiết bị, máy móc để ngăn ngừa rò rỉ xăng dầu. Việc thay dầu nhớt chỉ được tiến hành trong khu vực bảo dưỡng.

Nước thoát ra từ các khu vực bảo dưỡng xe, khu vực sửa chữa máy móc và vũng nước rửa bánh xe được đi qua bộ phận thu dầu trước khi thải đi.

### **V.1.9 Giảm thiểu các tác động xấu trong giai đoạn khai thác**

#### **1) Đối với tác động đến chất lượng môi trường không khí**

Dự án hoàn thành sẽ giảm ùn tắc giao thông, nâng cao tốc độ lưu thông ... giảm lượng khí thải phát sinh do xe cộ gây ra;

Hạn chế giao thông cá nhân để chuyển qua giao thông công cộng;

Trồng mới và duy tu các dải cây xanh dọc tuyến để cải thiện chất lượng không khí, môi trường;

Định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng mặt đường, tưới nước giữ ẩm trong mùa khô, vệ sinh mặt đường.

#### **2) Đối với nguy cơ ô nhiễm nước**

Vệ sinh làm sạch mặt đường định kỳ, đặc biệt trước thời điểm đầu mùa mưa để hạn chế nước chảy tràn cuốn theo lớp bụi đất bản bề mặt vào hệ thống thoát nước chảy ra cửa xả gây ô nhiễm nguồn nước.

## **VI. PHƯƠNG ÁN DI DỜI CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Trong quá trình thi công san nền ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay Quốc tế Đà Nẵng có các hệ thống PCCC hiện hữu cần tháo dỡ di dời.

## **VII. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ, RÀ PHÁ BOM Mìn, VẬT NỔ**

Giải phóng mặt bằng: Dự án không có giải phóng mặt bằng

Dự án trong khu vực đã được rà phá bom mìn

## **VIII. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO ATLĐ VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG**

### **VIII.1 Đảm bảo an toàn lao động**

Công tác đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường tuân thủ theo các qui định sau:

QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - An toàn trong xây dựng;

QCVN 06:2010/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

TCVN 5308 – 1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong XD;

TCVN 3254 – 1989: An toàn cháy – Yêu cầu chung;

TCVN 3255 – 1986: An toàn nổ – Yêu cầu chung.

Để đảm bảo đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường, công trình cần thực hiện các điểm sau:

Đơn vị thi công phải tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn lao động khi thi công theo đúng qui phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng TCVN 5308 – 1991. Một số công tác chính cần triển khai;

Tổ chức tập huấn công tác an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công trường;

Thường xuyên nhắc nhở công nhân phòng chống tai nạn trên công trường;

Cung cấp đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cụ thể: quần, áo, mũ, nón bảo hộ, giày, găng tay;

Tổ chức một tổ chuyên trách về an toàn lao động;

Công trình được thi công trong vùng đông dân cư, do vậy vấn đề vệ sinh môi trường phải được quan tâm đặc biệt;

Các vật liệu thừa thi công đến đâu phải được dọn dẹp sạch sẽ để không ảnh hưởng đến công tác an toàn trong thi công và vệ sinh môi trường;

Khi vận chuyển đất, bánh xe phải được rửa sạch trước khi rời khỏi công trường để bùn không vương vãi ra đường, phải có bạt che đậy thùng xe.

Vận chuyển đất đổ bỏ đúng nơi quy định, không để rơi vãi trên đường vận chuyển. Nếu sử dụng các chất liệu có mùi gây ô nhiễm thì phải có biện pháp bảo hộ phòng chống độc hại an toàn cho nhân công và dân, người qua lại;

Thu dọn, xếp gọn các thiết bị, vật tư sau mỗi ngày làm việc. Khi thi công tại khu vực công trường, các vật tư, nhiên liệu phế thải... tuyệt đối không thải bỏ trên đường.

Rào chắn kín khu vực công trường thi công. Thường xuyên vệ sinh đường hiện hữu khu vực công trường để làm sạch các bụi bẩn do xe chở vật liệu xây dựng gây ra.

Công tác đào và vận chuyển đất đào, thi công cấp phối đá dăm sẽ gây nhiều bụi bẩn, gây ô nhiễm môi trường..., do đó quá trình thi công Đơn vị thi công cần thường xuyên tưới nước mặt cấp phối, đảm bảo duy trì độ ẩm để hạn chế bụi bẩn, đồng thời làm vệ sinh các vật liệu, phế thải rơi vãi trên đường trong quá trình vận chuyển ... hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến dân sinh trong khu vực. Nước tưới dùng nước sinh hoạt, không được sử dụng nước trong lòng cống.

Các biện pháp khắc phục, giảm nhẹ tác động xấu đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường vật lý, sinh thái, kinh tế – xã hội nhằm mục đích đảm bảo sự phát triển bền vững của khu vực tiếp nhận dự án.

## **VIII.2 Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công**

Để đảm bảo an toàn và tránh ùn tắc giao thông trong quá trình thi công nhất là đối với các đường ngang, khu vực nút giao ...giải pháp đề xuất như sau:

Tổ chức thi công theo từng phân đoạn tối đa 100m và các phân đoạn cách nhau tối thiểu 100m để giảm mật độ ùn tắc giao thông;

Phối hợp cảnh sát giao thông điều khiển, phân luồng giao thông vào các giờ cao điểm, các đoạn đông dân cư như chợ, xí nghiệp, trường học, bệnh viện ....

Trong quá trình thi công, phần đường xe chạy thường xuyên xuất hiện những hư hỏng, đọng nước, ổ gà...Do đó, cần thực hiện bù phụ những hư hỏng này bằng cấp phối đá dăm để đảm bảo an toàn giao thông. Khối lượng xử lý những vị trí này được xác định thực tế ngoài hiện trường được Tư vấn giám sát xác nhận.

## **IX. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ AN TOÀN ĐIỆN**

### **IX.1 Công tác phòng chống cháy nổ**

Các thiết bị thi công được thường xuyên kiểm tra hằng ngày, nhất là phần điện để đề phòng cháy.

Treo các bảng quy định phòng cháy tại khu vực lán trại. Cô lập các vật dụng có thể gây ra cháy nổ và kiểm tra độ an toàn của chúng trước khi sử dụng.

Tập huấn cho cán bộ công nhân công trường về công tác cháy nổ. Toàn bộ công tác an toàn chống cháy phải tuân theo TCVN 2622 – 1995 Phòng cháy chống cháy cho nhà và các kiến trúc khác.

Đảm bảo an toàn cần thiết đối với các công trình ngầm như điện, điện thoại và các công trình kiến trúc xung quanh.

### **IX.2 An toàn về điện**

Tất cả các vị trí làm việc đều có dây tiếp đất và được lắp Automat tự động.

Các trục đường điện thi công chính từ trạm ra vị trí thi công đều dùng bằng cáp mềm bố trí có khả năng chuyển tải điện năng cho thiết bị đang sử dụng điện.

Các đường dây phục vụ sinh hoạt và các thiết bị lẻ đều dùng cáp bọc và bố trí cao cách mặt đất ít nhất là 6m.

Bố trí các đường điện tại những nơi ít bị ảnh hưởng của các thiết bị thi công đi lại.

Các môi nối của cáp điện sẽ sử dụng môi nối hàn thiếc sau đó bọc bằng vật liệu cách điện không thấm nước.

Khi thi công ban đêm phải bố trí hệ thống chiếu sáng sao cho lái cẩu có thể nhìn thấy rõ các đường điện.

Khu vực đoạn tuyến thi công có hệ thống điện cao thế cắt ngang, trong quá trình thi công cần tuân thủ công tác an toàn điện theo Nghị định 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật điện lực về an toàn lưới điện cao áp. Ngoài ra, cần phối hợp với cơ quan chủ quản hệ thống điện cao thế để được hướng dẫn chi tiết công tác an toàn điện và phối hợp giữa đơn vị thi công với đơn vị quản lý ngành điện để xác định lịch cắt điện (nếu cần) nhằm đảm bảo an toàn điện trong quá trình thi công.

### **X. Yêu cầu về chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị:**

Nhà thầu phải trình bày đầy đủ trong HSDT về vật tư đất đắp sử dụng cho gói thầu về nguồn gốc, xuất xứ. Nhà thầu cung cấp các tài liệu cần thiết gồm:

hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp, giấy phép khai thác và các tài liệu liên quan khác để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của đất đắp.

### **3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị**

- Tất cả các loại vật tư, vật liệu phục vụ cho công trình xây dựng trước khi đưa vào thi công xây dựng bắt buộc phải thí nghiệm, kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý theo quy định hiện hành, vật liệu đảm bảo chất lượng mới được sử dụng cho công trình xây dựng, trường hợp không đảm bảo chất lượng, Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu loại bỏ không đưa vào công trình xây dựng;

- Nhà thầu trúng thầu thi công công trình xây dựng phải thí nghiệm vật liệu trước khi nghiệm thu vật liệu theo quy định.

### **10. Những lưu ý trong quá trình thi công:**

Trong quá trình thi công, để đảm bảo chính xác, nếu có gì sai sót và không rõ trong hồ sơ thiết kế BVTC, nhà thầu thi công báo cáo Chủ đầu tư, Tư vấn Giám sát, phối hợp với đơn vị tư vấn thiết kế cùng các bên liên quan kiểm tra xem xét và xử lý kịp thời, trước khi triển khai các hạng mục tiếp theo của công trình

## **IV. Các bản vẽ**

E-HSMT này gồm có các bản vẽ theo file đính kèm.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

#### **Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

*Điều kiện hợp đồng bao gồm E-ĐKC, E-ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.*

*E-ĐKC Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. E-ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với E-ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng*

*Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng hợp đồng theo kết quả đầu ra, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng (đối với hợp đồng trọn gói) hoặc bằng 100% giá trị theo khối lượng công việc thực tế nhân với đơn giá (đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh). Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng công trình như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.*

*Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của công trình (ví dụ lấy mẫu phân tích, phương pháp và trình tự thủ tục sẽ áp dụng để đánh giá...); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.*

*Trường hợp Chủ đầu tư có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào E-ĐKC và E-ĐKCT.*

	<b>A. Các quy định chung</b>
<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.</p> <p>1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;</p> <p>1.7. “Công trình” là các Công trình chính và Công trình tạm, hoặc một trong hai loại công trình này tùy từng trường hợp theo quy định <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình;</p> <p>1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;</p> <p>1.10. “Công trường” là khu vực được xác định trong <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.</p> <p>1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p>

	<p>1.13. “Năm” là năm dương lịch;</p> <p>1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;</p> <p>1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;</p> <p>1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong <b>E-ĐKCT</b>. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;</p> <p>1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.</p> <p>1.21. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc xây lắp;</p> <p>1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;</p> <p>1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;</p> <p>1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 48 E-ĐKC;</p> <p>1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;</p> <p>1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;</p> <p>1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;</p> <p>1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;</p> <p>1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp</p>
--	---

	<p>đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng. Tên nhà thầu tư vấn được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.30. “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.</p> <p>1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.</p> <p>1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;</p> <p>1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p><b>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p>	<p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại E-ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>d) E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>g) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của Nhà thầu;</li> <li>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p>

	<p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
<b>4. Thông báo</b>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<b>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn</p>

	<p>thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường</b></p>	<p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p> <p>6.1. An toàn lao động</p> <p>a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;</p> <p>b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;</p> <p>c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;</p> <p>d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;</p> <p>đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.</p> <p>Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.</p> <p>6.2. Bảo vệ môi trường</p> <p>a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;</p> <p>b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;</p> <p>c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát</p>

	<p>của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.</p> <p>6.3. Phòng chống cháy nổ:</p> <p>Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p>
<p><b>7. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư</b></p>	<p>7.1. Quyền của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;</p> <p>b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.</p> <p>c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;</li> <li>- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;</li> </ul> <p>Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư</p> <p>a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định;</p>

	<p>b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;</p> <p>c) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;</p> <p>đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;</p> <p>g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.</p>
<p><b>8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu</b></p>	<p>8.1. Quyền của Nhà thầu</p> <p>a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.</p> <p>b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.</p> <p>8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu</p> <p>a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.</p> <p>b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.</p> <p>c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.</p> <p>d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của</p>

Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

### 8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

### 8.4. Hợp tác

- Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong E-HSMT của Chủ đầu tư.

### 8.5. Định vị các mốc

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

### 8.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thăm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong E-HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc

thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 E-ĐKC.

#### 8.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với

các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

#### 8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại **E-DKCT**, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

#### 8.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

#### 8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (nếu có)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự

	<p>thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.</p> <p>8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường</p> <p>Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.</p> <p>Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p> <p>Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong thời gian quy định <b>E-ĐKCT</b> sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.</p> <p>8.12. Các vấn đề khác có liên quan</p> <p>Tất cả các cỗ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.</p> <p>Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.</p>
<p><b>9. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án thì Nhà thầu tư vấn quản lý dự án có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>9.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn</p> <p>Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện</p>

những công việc này.

Nhà thầu tư vấn không có quyền sửa đổi hợp đồng. Nhà thầu tư vấn có thể thực hiện quyền hạn được gán với chức danh nhà tư vấn như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Nhà thầu tư vấn được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Nhà thầu tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu. Tuy nhiên, mỗi khi Nhà thầu tư vấn thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (*vì mục đích của hợp đồng*) thì được xem như Chủ đầu tư đã chấp thuận.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

- a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Nhà thầu tư vấn được xem là làm việc cho Chủ đầu tư;
- b) Nhà thầu tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;
- c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Nhà thầu tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

## 9.2. Ủy quyền của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Những cá nhân này có thể là một Nhà thầu tư vấn thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát hoặc chạy thử các hạng mục thiết bị, vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phân công, ủy quyền của nhà tư vấn phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào Chủ đầu tư nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thỏa thuận khác của hai bên trong hợp đồng hoặc của Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì.

Các cá nhân này phải là những người có đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo ủy quyền.

Mỗi cá nhân được phân công nhiệm vụ hoặc được ủy quyền, chỉ được quyền đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi được xác

định trong sự ủy quyền. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của một cá nhân phù hợp với sự ủy quyền sẽ có cùng hiệu lực như là việc thực hiện công việc của chính Nhà thầu tư vấn. Tuy nhiên:

a) Bất kỳ một sự không thành công trong công việc, không chấp thuận một công việc, thiết bị hoặc vật liệu nào đó, sẽ không có nghĩa là sự phê duyệt và do vậy, sẽ không phương hại đến quyền của Nhà thầu tư vấn trong việc bác bỏ công việc, thiết bị hoặc vật liệu đó;

b) Nếu Nhà thầu có điều gì hoài nghi đối với một quyết định hoặc chỉ dẫn nào đó của các cá nhân này thì Nhà thầu có thể nêu vấn đề đó với Nhà thầu tư vấn là người sẽ nhanh chóng khẳng định, đảo ngược hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

### 9.3. Chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể đưa ra cho Nhà thầu bất kỳ lúc nào các chỉ dẫn và bản vẽ bổ sung hoặc sửa đổi cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp với hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền.

Chủ đầu tư phải tuân theo các chỉ dẫn do nhà tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến hợp đồng. Khi có thể, các chỉ dẫn của Nhà thầu tư vấn và người được ủy quyền phải được đưa ra ở dạng văn bản. Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền đưa ra chỉ dẫn bằng lời nói hoặc nhận được đề nghị chỉ dẫn bằng văn bản nhưng không trả lời bằng văn bản trong khoảng thời gian quy định tại **E-ĐKCT** thì đề nghị hoặc yêu cầu đó chính là chỉ dẫn bằng văn bản của Nhà thầu tư vấn hoặc người được ủy quyền (*trường hợp cụ thể do các bên quy định trong hợp đồng*).

### 9.4. Thay thế Nhà thầu tư vấn

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Nhà thầu tư vấn thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Nhà thầu tư vấn được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà thầu tư vấn bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

9.5. Quyết định của Nhà thầu tư vấn (*trường hợp Chủ đầu tư không thuê Nhà thầu tư vấn thì khoản này áp dụng cho chính Chủ đầu tư*)

	<p>Những điều kiện này quy định rằng, Nhà thầu tư vấn (<i>thay mặt cho Chủ đầu tư</i>) sẽ tiến hành công việc theo khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, nhà tư vấn phải trao đổi ý kiến với từng bên để cố gắng đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, nhà tư vấn sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét thích đáng đến những sự việc có liên quan.</p>
<p><b>10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)</b></p>	<p>Trường hợp Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng thì Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>10.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng</p> <p>Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.</p> <p>Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu Tư vấn giám sát được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.</p> <p>Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:</p> <p>a) Tư vấn giám sát không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;</p> <p>b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.</p> <p>10.2. Trách nhiệm của Tư vấn giám sát</p> <p>Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình (<i>nếu không thuê tư vấn giám sát thi công việc này thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư</i>). Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công</p>

	<p>trình xây dựng.</p> <p>10.3. Thay thế Tư vấn giám sát</p> <p>Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.</p>
<p><b>11. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>11.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>11.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 11.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>11.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu (<i>hoặc theo thỏa thuận khác của các bên</i>).</p> <p>11.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>12. Hợp tác với các Nhà thầu khác</b></p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải</p>

	thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.
<b>13. Nhân sự và Thiết bị</b>	<p>13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong E-HSĐT hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong E-HSĐT.</p> <p>13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 E-ĐKC.</p>
<b>14. Điện, nước và an ninh công trường</b>	<p>14.1 Điện, nước trên công trường</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.</p> <p>b) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.</p> <p>14.2. An ninh công trường</p> <p>Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:</p> <p>a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;</p> <p>b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.</p>

<p><b>15. Bất khả kháng</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p><b>16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</b></p>	<p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>
<p><b>17. Rủi ro của</b></p>	<p>17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu</p>

<b>Chủ đầu tư</b>	<p>trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p> <p>17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành;</p> <p>(b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.</p>
<b>18. Rủi ro của Nhà thầu</b>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.</p>
<b>19. Bảo hiểm</b>	<p>19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.</p>
<b>20. Bảo hành</b>	<p>20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.</p> <p>20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa</p>

	<p>các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.</p>
<p><b>21. Thông tin về Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong <b>E-ĐKCT</b> và các thông tin khác có liên quan.</p>
<p><b>22. Bảo đảm an ninh Công trường</b></p>	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p> <p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>
<p><b>23. Cổ vật phát hiện tại Công trường</b></p>	<p>23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu</p>

	<p>tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.</p>
<b>24. Quyền sử dụng Công trường</b>	<p>Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.</p>
<b>25. Ra vào Công trường</b>	<p>Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.</p>
<b>26. Tư vấn giám sát</b>	<p>26.1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong Hợp đồng.</p> <p>26.2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho Nhà thầu về việc thi công xây dựng Công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát.</p> <p>Nhà thầu và nhà thầu phụ có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu, báo cáo và sổ sách ghi chép chính xác và có hệ thống về Công trình, thể hiện rõ những thay đổi về thời gian và chi phí liên quan đến Công trình.</p> <p>26.3. Trường hợp Chủ đầu tư thay đổi Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
<b>27. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
	<b>B. Quản lý thời gian</b>
<b>28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến</b>	<p>Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại <b>E-ĐKCT</b> và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày</p>

	hoàn thành dự kiến quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<p><b>29. Biểu tiến độ thi công chi tiết</b></p>	<p>29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;</p> <p>b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;</p> <p>c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.</p> <p>Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.</p> <p>29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b> trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.</p>

	<p>Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.</p>
<p><b>30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<p><b>31. Đẩy nhanh tiến độ</b></p>	<p>31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh</p>

	tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.
<b>32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư</b>	Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.
	<b>C. Quản lý chất lượng</b>
<b>33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị</b>	<p>33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
<b>34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám sát và nghiệm thu công việc</b>	<p>34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm</p> <p>Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như sau:</p> <p>a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong E-HSMT phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.</p> <p>b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.</p> <p>34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư</p> <p>a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;</p> <p>b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và</p>

	<p>kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.</p> <p>Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.</p> <p>Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.</p> <p>34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.</p>
<p><b>35. Xác định các sai sót trong công trình</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.</p>
<p><b>36. Thử nghiệm</b></p>	<p>36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.</p> <p>36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.</p>

	<p>36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.</p> <p>36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.</p> <p>36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
<p><b>37. Sửa chữa khắc phục Sai sót</b></p>	<p>37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> <p>37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.</p>
<p><b>38. Sai sót không được sửa chữa</b></p>	<p>38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.</p> <p>38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.</p>

	38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.
<b>39. Dự báo về sự cố</b>	Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.
	<b>D. Quản lý chi phí</b>
<b>40. Loại hợp đồng</b>	Loại hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>41. Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng</b>	<p>41.1. Giá hợp đồng được ghi tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>41.2. Đối với hợp đồng trọn gói, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc và thành tiền của các hạng mục đó. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các hạng mục công việc để hoàn thành công trình theo thiết kế được duyệt, bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng. Giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.</p> <p>41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>
<b>42. Tạm ứng</b>	42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> , sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm

	<p>ứng.</p> <p>42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p> <p>42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<p><b>43. Hồ sơ thanh toán</b></p>	<p>43.1. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng trọn gói:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p> <p>43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p>

	<p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.3. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng hoặc đơn giá được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p> <p>43.4. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận khối lượng hoàn thành, mức độ hoàn thành theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>b) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, mức độ hoàn thành, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này.</p>
<p><b>44. Thanh toán</b></p>	<p>44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>

<b>45. Điều chỉnh thuế</b>	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>46. Tiền giữ lại</b>	<p>46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.</p> <p>46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>
<b>47. Sửa đổi hợp đồng</b>	<p>47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</li> <li>b) Thay đổi về thiết kế;</li> <li>c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>d) Các trường khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b></li> </ul> <p>47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p>

	<p>47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <p>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</p> <p>47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p><b>48. Sự kiện bồi thường</b></p>	<p>48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <p>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 E-ĐKC;</p> <p>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</p> <p>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;</p>

	<p>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</p> <p>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</p> <p>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p> <p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p>
<p><b>49. Phạt vi phạm thưởng và phạt đồng</b></p>	<p>49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại <b>E-ĐKCT</b> cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của</p>

	<p>Nhà thầu.</p> <p>49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>49.3. Việc thưởng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>50. Công nhật</b>	<p>50.1. Trường hợp phát sinh Công nhật thì chi phí Công nhật do Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT sẽ chỉ được áp dụng khi Chủ đầu tư có thông báo trước bằng văn bản về việc các công việc phát sinh sẽ được thanh toán theo Công nhật.</p> <p>50.2. Tất cả công việc thanh toán theo Công nhật phải được Nhà thầu ghi lại.</p> <p>50.3. Nhà thầu được thanh toán các chi phí Công nhật sau khi Chủ đầu tư chấp thuận bản kê khai chi phí Công nhật.</p>
<b>51. Chi phí sửa chữa</b>	<p>Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.</p>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>52. Nghiệm thu</b>	<p>Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.</p>
<b>53. Hoàn thành</b>	<p>Nhà thầu phải yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình và Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.</p>
<b>54. Bàn giao</b>	<p>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p> <p>Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>
<b>55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành</b>	<p>55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b> hoặc các tài liệu này</p>

	không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại <b>E-ĐKCT</b> từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.
<p><b>56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng</b></p>	<p>56.1. Quyết toán hợp đồng</p> <p>Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau:</p> <p>a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, bao gồm các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;</li> <li>- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;</li> <li>- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;</li> <li>- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).</li> </ul> <p>b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá số ngày quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p>56.2. Thanh lý hợp đồng</p> <p>Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau:</p> <p>a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;</li> <li>- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.</li> </ul> <p>b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.</p> <p>56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư</p> <p>Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi</p>

	<p>thanh lý hợp đồng.</p>
<p><b>57. Chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;</p> <p>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</p> <p>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</p> <p>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</p> <p>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</p> <p>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</p> <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 E-ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>
<p><b>58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng</b></p>	<p>58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 E-ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các</p>

	<p>công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 E-ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p>
<b>59. Tài sản</b>	<p>Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.</p>
<b>60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng</b>	<p>Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.</p>

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	<p>Chủ đầu tư là: Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) khu vực miền Trung</p> <p>Địa chỉ: Số 348 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng</p>
<b>E-ĐKC 1.7</b>	<p>Công trình bao gồm</p> <p>Gói thầu Thi công xây dựng công trình</p> <p>Tên dự án: San lấp ao cứu hỏa tại Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng</p> <p>Địa điểm thi công: Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng</p>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	<p>Địa điểm: Kho NLHK Sân bay QT Đà Nẵng</p> <p>và được xác định trong Bản vẽ số 01</p>
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: 45 ngày <i>[ghi ngày]</i>
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 45 ngày
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ___ <i>[ghi ngày]</i> .
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
<b>E-ĐKC 1.29</b>	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]</i>;</p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]</i>;</p> <p>...</p>
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: ___ <i>[Chủ đầu tư điền]</i>
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <p>1. Hồ sơ mời thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>2. Hồ sơ dự thầu, bao gồm cả văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</li> <li>3. Hồ sơ 3 Hồ sơ BCKTKT, Thiết kế BVTC-dự toán được duyệt;</li> <li>4. Thuyết minh thiết kế hoặc Chi dẫn kỹ thuật (nếu có);</li> <li>5. Biên bản thương thảo Hợp đồng;</li> <li>6. Các văn bản pháp lý phê duyệt dự án, gói thầu;</li> <li>7. Các phụ lục Hợp đồng;</li> <li>8. Bảng tổng hợp giá dự thầu;</li> <li>9. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng;</li> <li>10. Bảo lãnh tiền tạm ứng.</li> <li>11. Các tài liệu liên quan khác kèm theo _____ [liệt kê tài liệu].</li> </ol>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng]</i>.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định <i>[căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định]</i>.</li> <li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày <i>[ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực]</i> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <p>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 15 ngày kể từ khi công trình</p>

	được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 5 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 7 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 02 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng <i>[theo Mục 27.3 E-CDNT]</i> .
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu phụ phải có tên trong HSDT ban đầu hoặc là nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận/chỉ định trong thời gian thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Nhà thầu chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ theo quy định của pháp luật.</li> <li>- Nội dung hợp đồng thầu phụ phải đáp ứng yêu cầu là thống nhất, đồng bộ với nội dung hợp đồng Nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư.</li> <li>- Chủ đầu tư được quyền chỉ định nhà thầu phụ khi Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi chủ đầu tư đã yêu cầu.</li> <li>- Việc huy động nhà thầu phụ cho gói thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận</li> </ul>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	Yêu cầu về bảo hiểm:

	<p>Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p>
<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	<p>Thời gian bảo hành công trình ____ [ghi số ngày bảo hành công trình của nhà thầu đề xuất trong E-HSDT] ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____</p>
<b>E-ĐKC 21</b>	<p>Thông tin về Công trường là: ____ [liệt kê các thông tin và dữ liệu về công trường].</p>
<b>E-ĐKC 24</b>	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ____ [ghi địa điểm và ngày].</p>
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải:</p> <p>Các bên tự thương lượng, hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp</p> <p>Giải quyết tranh chấp: 7 ngày</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp Hợp đồng, các bên phải cùng nhau xem xét, bàn bạc, thương lượng để thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của các bên.</p> <p>- Khi xảy ra tranh chấp không thể hoà giải được, hai bên phải lập biên bản ghi nhận nội dung và thời gian nảy sinh tranh chấp và đề nghị cơ quan giải quyết tranh chấp xem xét. Thời hạn chuẩn bị bằng chứng là 30 ngày theo lịch kể từ khi lập biên bản ghi nhận tranh chấp, nếu hết thời hạn chuẩn bị trên mà không bên nào đưa ra được các bằng chứng tranh chấp cho các cơ quan giải quyết tranh chấp thì tranh chấp bị huỷ bỏ và không được giải quyết tiếp nữa. Hợp đồng trả lại trạng thái như trước khi xảy ra tranh chấp.</p> <p>- Trường hợp hai bên không hoà giải hoặc hoà giải không thành thì các bên có quyền khởi kiện ra Toà án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết. Phán quyết của toà án có hiệu lực thi hành.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: ____ [ghi ngày dự định khởi công].</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: ____ [ghi ngày hoàn thành dự kiến].</p>

<b>E-ĐKC 29.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 03 ngày [ <i>ghi số ngày</i> ] từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 01 ngày [<i>ghi thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết</i>].</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 10.000.000 VND [<i>ghi số tiền</i>].</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>1. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ. Trường hợp thời hạn hoàn thành chậm hơn so với tiến độ của hợp đồng, các bên phải xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra.</p> <p>2. Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</p> <p>d) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;</p> <p>e) Do ảnh hưởng của mùa mưa kéo dài.</p>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Vật tư, thiết bị đưa vào xây lắp công trình phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và tuân thủ những yêu cầu của gói thầu được nêu trong chỉ dẫn kỹ thuật/thuyết minh thiết kế</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	Loại hợp đồng: trọn gói
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định
<b>E-ĐKC 42.1</b>	- Tạm ứng:

	<p>Bên giao thầu tạm ứng cho Bên nhận thầu dự kiến 30% giá trị hợp đồng và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhưng không vượt quá kế hoạch vốn được giao cho dự án hàng năm sau khi Bên giao thầu nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên nhận thầu.</p> <p>Thời gian tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng</p> <p>- Thời gian tạm ứng: ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ [<i>ghi cụ thể thời gian tạm ứng</i>].</p>
<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>- Việc thanh toán được xác định trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được kiểm tra, nghiệm thu, xác nhận của các Bên có liên quan. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B không vượt quá 05 lần thanh toán.</p> <p>Bên A chỉ thanh toán cho bên B tối đa 90% giá trị hợp đồng khi nhà thầu chưa hoàn thành hồ sơ nghiệm thu quyết toán A-B</p> <p>- Hình thức thanh toán: chuyển khoản</p>
<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: không được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.'</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% [<i>ghi tỷ lệ phần trăm</i>]</p> <p>[<i>số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp</i>].</p>
<b>E-ĐKC 47.1(d)</b>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p>Tùy theo thỏa thuận của hai bên, và tuân thủ quy định của pháp luật</p>
<b>E-ĐKC 47.7</b>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% [<i>nêu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%</i>] giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p>

	<p>Nhà thầu vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên giao thầu gây ra, Nhà thầu bị phạt 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày vi phạm. Tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: áp dụng</p> <p>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế: Trường hợp nhà thầu thực hiện công việc không đúng theo quy định của Hợp đồng hoặc bỏ dở Hợp đồng (không hoàn thành) dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị Tư vấn xác định giá trị thiệt hại. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đền bù toàn bộ thiệt hại trên cơ sở giá trị thiệt hại được cấp có thẩm quyền thống nhất.</p>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	<p>Thưởng hợp đồng: không áp dụng</p>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	<p>Thời gian bàn giao công trình: _____ [<i>ghi thời gian bàn giao công trình</i>].</p>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [<i>ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công</i>].</p>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	<p>Số tiền giữ lại: 5% giá trị hợp đồng</p>
<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	<p>Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 15 ngày [<i>ghi thời hạn nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán công trình</i>] kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.</p>

**Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư \_\_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_\_ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_ tháng\_\_ năm\_\_<sup>(3)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ<sup>(1)</sup>**

(Hợp đồng điện tử)

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: \_\_\_\_\_ [*theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [*theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư [*theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:***Chủ đầu tư**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Đơn vị được ủy quyền: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ [phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 E-ĐKCT].

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: \_\_\_\_\_ [loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

*(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)*

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ <i>[Nhà thầu tự tính]</i>			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ  
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ  
ĐẦU TƯ** *[ghi tên, chức danh, ký tên*

*và  
đóng dấu]*

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG***(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)*

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Hạng mục 1:</b>					
1						
2						
3						
<b>II</b>	<b>Hạng mục 2:</b>					
1						
2						
3						
<b>III</b>	<b>Hạng mục...</b>					
...	....					
<b>Giá hợp đồng</b> (Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]***ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ***[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG** <sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-DKCT]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.
- (2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

**GIẤY ỦY QUYỀN (1)**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu,*

*- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]<sup>(2)</sup>.*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật  
của nhà thầu, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây.

Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.